

Bản án số: 64/2020/HS-PT.
Ngày 13-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 35/2020/TLPT-HS ngày 09-7-2020 đối với bị cáo LVN do có kháng cáo của bị cáo LVN đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: LVN; Sinh ngày 01/01/1996; Nơi sinh: thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Hồng N và bà Nguyễn Thị K; Anh, chị, em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2000; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2019 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo LVN: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Khóm M, Phường S, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại có liên quan đến kháng cáo:

1. Ông NHM; Sinh năm 1950; Nơi cư trú: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà NTX; Sinh năm 1956; Nơi cư trú: Ấp L, xã T, thị xã N tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Phạm Minh T - Luật sư thực hiện Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 197, đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Bị hại NTT; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) NLQ 1, NLQ2; Người làm chứng là các ông (bà) NLC1, NLC2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo LVN với bị hại NTT nhà ở kề cận nhau tại ấp L, xã T, thị xã N). Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2015 đến ngày 23/02/2015 LVN đã quan hệ tình dục với bị hại NTT 03 lần, cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 15/02/2015 bị cáo LVN đi qua nhà để tìm bị hại NTT nói chuyện, khi đến nhà thấy bị hại NTT đang ở bên nhà của bà NLC2 (cặp vách nhà của bị hại NTT), khi đó bà NLC2 cùng gia đình đi làm thuê ở TP. Hồ Chí Minh không có ai giữ nhà, nên LVN nắm tay bị hại NTT dẫn đi vào trong phòng ngủ, và diu bị hại NTT nằm ngửa xuống chiếc giường, LVN dùng tay cởi quần dài và quần lót của bị hại NTT ra khỏi chân, kế tiếp bị cáo LVN cũng tự cởi quần dài và quần lót của bị cáo ra khỏi chân, sau đó LVN cầm dương vật đưa vào trong âm hộ của bị hại NTT để quan hệ tình dục với nhau thời gian khoảng 05 phút, sau khi quan hệ tình dục xong thì cả hai tự mặc quần áo vào, rồi LVN đi về nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 17/02/2015 LVN đi qua nhà thấy bị hại NTT ở nhà một mình, LVN liền rủ bị hại NTT đi qua căn nhà của bà NLC2 để tâm sự, LVN cùng với bị hại NTT đi vào trong phòng ngủ, thì LVN cởi quần dài và quần lót của bị hại NTT ra LVN cầm dương vật đưa vào âm hộ của bị hại NTT để quan hệ tình dục với nhau, sau khi quan hệ tình dục xong LVN mặc quần áo vào rồi đi về nhà.

Lần thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 23/02/2015 cũng như các lần trước, LVN đi qua thấy bị hại NTT nằm ngủ ở bên nhà của bà NLC2, thì LVN dùng hai tay bế bị hại NTT đi vào trong phòng ngủ, sau đó LVN cởi quần dài và quần lót của bị hại ra, rồi LVN cầm dương vật đưa vào âm hộ của bị hại NTT để quan hệ tình dục với nhau, sau khi quan hệ tình dục xong LVN mặc quần áo vào rồi đi về nhà.

Ngày 01/11/2015 bà NTX (mẹ ruột của bị hại NTT) sau khi phát hiện bị hại NTT đã mang thai, nên trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã N để tố giác hành vi phạm tội của LVN. Cho đến ngày 24/12/2015 thì bị hại NTT đã sinh một bé gái đặt tên NTHN.

Theo Bản kết luận giám định số 284/C54B ngày 18/01/2018 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại TP. Hồ Chí Minh kết luận giám định gen (ADN): “*cháu bé NTHN là con ruột của LVN với xác suất 99,99990981%*”.

Theo Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 123/2019/KLGĐTC ngày 21/06/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ tại TP. Cần Thơ kết luận:

-Về ý học: Trước, trong, sau khi xảy ra vụ việc và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần khác (F78-ICD10).

-Về năng lực: Tại thời điểm xảy ra vụ việc và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. Hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là yếu tố định tính, nên không thể định lượng bằng con số cụ thể

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ theo điểm d, g khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Căn cứ khoản 3 Điều 7; Điều 38; Điều 50; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo LVN phạm tội “*Hiếp dâm*”.

2/ Xử phạt bị cáo LVN 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo LVN bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con cho NTT (do bà ông NHM và bà NTX đại diện nhận) số tiền 73.340.000đồng.

Kể từ ngày 01/6/2020 cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi, hàng tháng bị cáo LVN có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu NTHN 745.000đồng/tháng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Đến ngày 15/6/2020, bị cáo LVN kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo và xem xét lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con từ lúc bị hại NTT sinh con đến khi xét xử sơ thẩm, tiền bù đắp tinh thần cho bị hại NTT; Trưng cầu giám định lại về bệnh tâm thần của bị hại NTT

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo LVN giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo và xem xét lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con từ lúc bị hại NTT sinh con đến khi xét xử sơ thẩm, tiền bù đắp tinh thần cho bị hại NTT; Trung cầu giám định lại về bệnh tâm thần của bị hại NTT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo LVN là luật sư Nguyễn Văn Ngọt trình bày: Về tội danh cấp sơ thẩm quy kết bị cáo LVN về tội hiếp dâm là chưa đủ căn cứ vì bị cáo LVN không biết bị hại NTT bị bệnh tâm thần, khi bị cáo quan hệ với bị hại thì bị hại tự nguyện chứ bị cáo không dùng vũ lực để uy hiếp bị hại, Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 123/2019/KLGĐTC ngày 21/06/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ tại TP. Cần Thơ đối với bị hại NTT là không có căn cứ vì thời điểm xảy ra vụ án là khoảng tháng 02 năm 2015 nhưng đến tháng 6 năm 2019 mới giám định. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bị cáo LVN không phạm tội hiếp dâm theo điểm d, g khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) nếu không được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để trung cầu giám định tâm thần lại đối với bị hại NTT. Trong trường hợp các đề nghị nêu trên không được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án và cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, đã nộp cho cơ quan điều tra 15.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, bị cáo tự thú ra những lần làm tội trước bị cáo có nhân thân tốt theo b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có đủ điều kiện được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo không buộc bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng nuôi con từ ngày sinh cháu NTHN đến khi xét xử sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Phạm Minh Thủ trình bày: Thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo LVN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo LVN lập và nộp cho Tòa án nhân dân THỊ XÃ N vào ngày 15/6/2020 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo LVN theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với đề nghị của luật sư Nguyễn Văn N là triệu tập thêm giám định viên đến phiên tòa để làm rõ về kết luận giám định, xét thấy, tại bản kết luận giám

định số 123/2019/KL-GĐTC ngày 21-6-2020 đã kết luận: *Trước, trong, sau khi xảy ra vụ việc và hiện tại: “Đương sự có bệnh lý tâm thần và tại thời điểm xảy ra vụ việc và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần”*. Kết luận giám định này là đầy đủ và rõ ràng. Việc triệu tập giám định viên có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là không cần thiết. Do đó, yêu cầu này của người bào chữa cho bị cáo không được chấp nhận.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo LVN như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo LVN khai nhận vào các ngày 15/02/2015, 17/02/2015, 23/02/2015 tại Ấp L, xã T, thị xã N tỉnh Sóc Trăng, bị cáo LVN đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại NTT 03 lần, làm cho bị hại NTT có thai và hạ sinh bé gái vào ngày 24/12/2015 đặt tên NTHN và theo kết luận giám định *“cháu bé NTHN là con ruột của LVN với xác suất 99,99990981%”*. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Hiếp dâm” theo quy định tại điểm d, điểm g khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo LVN, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo cũng thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải, trong quá trình điều tra bị cáo tự thú về những lần phạm tội khác, bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả cho phía bị hại 15.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N sau khi phạm tội bị cáo cùng gia đình xin cưới bị hại nhưng gia đình bị hại không đồng ý, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đồng ý khắc phục thêm một phần hậu quả cho bị hại, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo LVN, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (một) năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Về kháng cáo của bị cáo LVN, về việc xin được hưởng án treo: Xét điều kiện để hưởng án treo của bị cáo thì thấy, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “Người phạm tội nhiều lần”. Trong vụ án này bị cáo LVN đã thực hiện hành vi 03 lần là phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo.

[5] Về kháng cáo của bị cáo LVN, về việc xem xét lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con từ lúc bị hại NTT sinh con đến khi xét xử sơ thẩm, tiền bù đắp tinh thần cho bị hại NTT. Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã đồng ý yêu cầu về tiền

cấp dưỡng của con bị hại từ khi bị hại NTT sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại không đồng ý yêu cầu của bị cáo. Đối với số tiền tổn thất tinh thần là 13.500.000 đồng cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LVN. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra bị cáo đã nộp 15.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, khi tính án phí cấp sơ thẩm không trừ ra cho bị cáo 15.000.000 đồng mà tính trên số tiền 34.600.000 đồng là không chính xác. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại án phí cho phù hợp.

[6] Về kháng cáo của bị cáo LVN, về việc yêu cầu giám định lại đối với bị hại NTT: Xét thấy, Theo Điều 211 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì việc giám định lại khi có nghi ngờ giám định lần đầu không chính xác. Đối với Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 123/2019/KLGĐTC ngày 21/06/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ tại TP. Cần Thơ đã kết luận rõ và chính xác, bị cáo không cung cấp căn cứ cho rằng kết luận nói trên không chính xác nên kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LVN, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận như đã phân tích tại đoạn [2],[3],[4],[5]; Lời đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b, điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo LVN chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[10] Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo LVN về việc xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo và xem xét lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con từ lúc bị hại NTT sinh con đến khi xét xử sơ thẩm, tiền bù đắp tinh thần cho bị hại NTT; Trung tâm giám định lại về bệnh tâm thần của bị hại NTT

2. Căn cứ theo điểm d, g khoản 2 Điều 111 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Căn cứ khoản 3 Điều 7; Điều 38; Điều 50; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20/6/2017;

3. Xử phạt bị cáo LVN 03 (Ba) năm tù về tội “Hiếp dâm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo LVN bồi thường thiệt hại và cấp dưỡng nuôi con cho NTT (do bà ông NHM và bà NTX đại diện nhận) số tiền 73.340.000đồng.

Kể từ ngày 01/6/2020 cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi, hàng tháng bị cáo LVN có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu NTHN 745.000đồng/tháng.

Tiếp tục giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã N quản lý số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo LVN đã nộp theo biên lai thu số 009795 ngày 05/02/2020 để đảm bảo Thi hành án.

Kể từ ngày người giám hộ của bị hại em NTT là ông NHM, bà NTX yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi cho bị hại NTT theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí:

- Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b, điểm e khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo LVN phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)

- Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm là 1.280.000 (trong đó án phí cấp dưỡng là 300.000đồng; án phí bồi thường thiệt hại là 980.000đồng)

6. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT - Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp bị hại (04).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

Nguyễn Thành Hữu